

Trường Trung Học Vista View

2020-21 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường

Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan

Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem trang Web về LCFF của CDE tại www.cde.ca.gov/fq/aa/lc/

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại dq.cde.ca.gov/dataquest/ có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận.trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) www.caschooldashboard.org/ chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2021 – 2022

Tên Trường	Trường Trung Học Vista View
Đường	16250 Hickory Street
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	Fountain Valley, CA 92708
Số điện thoại	(714) 842-0626
Hiệu trưởng	Rasheedah Gates
Địa chỉ Email	rgates@ovsd.org
Website Trường	https://www.ovsd.org/vista
Mã Học khu của Quận (CDS)	30-66613-6068613

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2021 – 2022

Tên Học khu	Học Khu Ocean View
Số điện thoại	(714) 847-2551
Giám đốc	Dr. Carol Hansen
Địa chỉ Email	chansen@ovsd.org
Website Học khu	www.ovsd.org

Tổng quan trường học năm học 2021 – 2022

Trường Vista View đang có khoảng 500 học sinh từ lớp sáu đến lớp tám. Chúng tôi là trường học tuân thủ khung PBIS (hỗ trợ và can thiệp hành vi tích cực). Tại Vista View, S.O.A.R. Falcons của chúng tôi Trọng tâm chương trình giáo dục là cam kết thực hiện, giảng dạy và tôn vinh các giá trị của SOAR:

- Safety first (An toàn là trên hết)
- On time, On task, Organized (Đúng giờ, Trách nhiệm, Có tổ chức)
- Thành tích Học tập
- Tôn trọng và có trách nhiệm

Chúng tôi giảng dạy những giá trị này trong môi trường cộng đồng, nơi học sinh an toàn, thoải mái và được chấp nhận. Học sinh được coi trọng như một cá nhân, được dạy cách hoạt động nhóm với những học sinh khác và được thúc đẩy để đạt được các dấu mốc xã hội và học tập. Là nhân viên, chúng tôi tin rằng tất cả học sinh đều có thể học tập thành công và chúng tôi có văn hóa chúc mừng sự thành công của học sinh.

Hồ Sơ Học Khu & Trường

Trường Trung Học Vista View nằm tại khu tây của Fountain Valley và phục vụ học sinh các cấp từ lớp sáu tới hết lớp tám theo lịch truyền thống. Học Khu Ocean View nằm ở phía tây Quận Cam và phục vụ trên 7.500 học sinh các cấp từ mẫu giáo đến hết lớp tám. Học khu Ocean View nỗ lực đem đến chất lượng giáo dục vượt trội và tiến bộ học tập liên tục của toàn bộ học sinh, với phương

Giới thiệu về Trường

2021-22 Học sinh Ghi danh theo Cấp lớp

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 6	172
Lớp 7	178
Lớp 8	182
Tổng Ghi danh	532

2020-21 Học sinh Ghi danh theo Nhóm Học sinh

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	47.4
Nam	52.6
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.2
Người gốc Châu Á	29.9
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.9
Người Phi Luật Tân	0.8
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	50.8
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.6
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	2.1
Người Da trắng	14.3
Sinh viên nói tiếng anh	24.8
Những đứa con nuôi	0.2
Vô gia cư	6.6
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	79.1
Học sinh khuyết tật	15

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Giám sát: For more information refer to the Updated Teacher Equity Definitions web page at <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2019 – 2020

Ủy quyền/bổ nhiệm	2019-20
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ	24
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	1
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1
Không xác định	0
Tổng số vị trí giảng dạy	26

Giám sát: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2019-20
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0
Bổ nhiệm sai	0
Các vị trí còn trống	0
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	0

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo

Chỉ báo	2019-20
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận miễn trừ	0
Tùy chọn phân công nội bộ	1
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	0

Phân công lớp học năm học 2019 – 2020

Chỉ báo	2019-20
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	0
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đúng lớp)	0

2021-22 Chất Lượng, Tình Trạng Cập Nhật, Tình Trạng Sẵn Có Của Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy

Tất cả sách giáo khoa được sử dụng trong chương trình giảng dạy cốt lõi tại Vista View đều tương ứng với các Tiêu chuẩn Nội dung và Khuôn khổ của California bởi quá trình áp dụng được tiểu bang lập ra. Sau khi Hội đồng Giáo dục Tiểu bang áp dụng các tài liệu giảng dạy dựa trên tiêu chuẩn, Học khu đã thử nghiệm trên thực tế các tài liệu đó và sau đó áp dụng theo Chính sách của Hội đồng Giáo dục. Mỗi trường đều có đầy đủ tài liệu được sử dụng làm tài liệu hướng dẫn cốt lõi. Chu trình tiếp nhận đã được thuận thủ và tất cả sinh viên đều có thể tiếp cận các tài liệu mới. Tất cả các trường đều sử dụng tài liệu và tài nguyên bổ sung cho từng cơ sở cụ thể

Tháng, năm thu thập dữ liệu

Tháng 10 năm 2021

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	McGraw-Hill Study Sync Năm áp dụng 2017	Có	0
Toán	Houghton Mifflin Harcourt Big Ideas Math Năm áp dụng 2015 McGraw-Hill Glencoe Math: Algebra 1/Geometry Năm áp dụng 2015	Có	0
Khoa học	Pearson Prentice Hall Chương Trình Khám Phá Khoa Học Prentice Hall California Năm áp dụng 2008	Có	0
Lịch sử-Khoa học Xã hội	Glencoe/McGraw-Hill Chương Trình Khám Phá Quá Khứ của Chúng Ta Glencoe Năm áp dụng 2006	Có	0
Ngoại ngữ	Pearson Prentice Hall Realidades - Cấp độ I Năm áp dụng 2007	Có	0

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Vào tháng 11/2016, Học Khu Ocean View (OVSD) đã thông qua Dự Luật R, dự luật công phổ phiếu nghĩa vụ tổng quát, với số tiền 169 triệu đô-la. Đây là công khổ phiếu đầu tiên từng được thông qua trong lịch sử 143 năm của OVSD. Chương trình công khổ phiếu được thiết kế để cải tạo những ngôi trường có niên đại cũ từ những năm 1960/1970 trở thành môi trường học tập hiện đại. Hoạt động thi công bắt đầu vào cuối tháng 6 năm 2018 và dự kiến mất khoảng 8 năm để hoàn tất vào năm học 2024/2025.

Học Khu hiện đang tiến hành bảo trì toàn bộ các cơ sở hạ tầng hiện tại để đảm bảo tất cả trường học đều sạch sẽ, an toàn và là môi trường giáo dục truyền cảm hứng cho tất cả học sinh học tập, trưởng thành, nhiệt huyết và sẵn sàng đương đầu thử thách. Nhân viên trông coi của trường và bảo trì của học khu phối hợp để đảm bảo công tác điều hành và sửa chữa cần thiết được thực hiện, từ đó hoàn thành mục tiêu duy trì tình trạng cơ sở vật chất tốt tại các trường học đúng hạn. Nhân viên trường và Học Khu ứng dụng hệ thống lệnh làm việc toàn diện để liên lạc về các yêu cầu bảo trì thường lệ và phát sinh. Sửa chữa khẩn cấp luôn được ưu tiên ở mức cao nhất.

Từ góc độ điều hành, người trông coi kiểm tra cơ sở để phát hiện các mối nguy hiểm đối với sự an toàn và những điều kiện khác cần lưu ý trước khi học sinh và nhân viên ra vào khuôn viên trường học. Người trông coi làm việc ban ngày toàn thời gian hoặc hai người trông coi buổi tối bán thời gian đều được bổ nhiệm cho mỗi trường. Người trông coi ban ngày chịu trách nhiệm:

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

- Dọn dẹp/sắp xếp khu vực ăn trưa
- Bảo trì khuôn viên chung
- Giữ gìn khuôn viên
- Dọn nhà vệ sinh

Nhà vệ sinh được kiểm tra thường xuyên trong ngày để đảm bảo sạch sẽ và được dọn dẹp lại nếu cần. Người trông coi buổi tối chịu trách nhiệm:

- Vệ sinh phòng học
- Vệ sinh khu vực văn phòng
- Dọn nhà vệ sinh

Hiệu trưởng giữ liên lạc liên tục với Giám Sát Viên Bảo Trì và Điều Hành và nhân viên trông coi về vấn đề bảo trì và an toàn trường học.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Ngày 26 tháng 10 năm 2020

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tỷ lệ Tốt	Tỷ lệ Bình thường	Tỷ lệ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cống rãnh	X			
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
Điện	X			
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			LỚP HỌC LINH HOẠT: 12-17, 32 (ÂM NHẠC): D=RMS 12,13,14: ĐỀ XUẤT THAY MÁI NHÀ
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			SÂN CHƠI: D = NHU CẦU THAY THỂ NHỰA ĐƯỜNG (NGUY CƠ TRƯỢT NGÃ)

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

B. Các Kết Quả Của Học Sinh: Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2019 – 2020 có giá trị N/A thể hiện rằng các dữ liệu này không khả dụng do đại dịch COVID-19 dẫn đến việc tạm dừng bài kiểm tra tổng kết. Sắc lệnh N-30-20 được ban hành đã miễn trừ các yêu cầu đánh giá, trách nhiệm và báo cáo đối với năm học 2019 – 2020.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 2021. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 2021 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 2021 với các năm học khác là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Văn Chương Anh Ngữ/Độc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	534	9	1.69	98.31	--
Nữ	245	1	0.41	99.59	--
Nam	288	8	2.78	97.22	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	162	3	1.85	98.15	--
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	270	3	1.11	98.89	--
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc	15	0	0	100	--
Người Da trắng	75	3	4	96	--
Sinh viên nói tiếng anh	131	4	3.05	96.95	--
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	66	2	3.03	96.97	--
Quốc phòng	23	0	0	100	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	423	7	1.65	98.35	--
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	86	9	10.47	89.53	--

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Môn Toán theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	534	9	1.69	98.31	--
Nữ	245	1	0.41	99.59	--
Nam	288	8	2.78	97.22	--
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	162	3	1.85	98.15	--
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	270	3	1.11	98.89	--
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	15	0	0.00	100.00	--
Người Da trắng	75	3	4.00	96.00	--
Sinh viên nói tiếng anh	131	4	3.05	96.95	--
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	66	2	3.03	96.97	--
Quốc phòng	23	0	0.00	100.00	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	423	7	1.65	98.35	--
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	86	9	10.47	89.53	--

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021 (i-Ready Reading/Math Diagnostic)

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bắt kỳ học sinh	523	515	98.47%	1.53%	40.00%
Nữ	243	243	100.00%	0.00%	43.62%
Nam	278	270	97.12%	2.88%	36.67%
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	1	1	100.00%	0.00%	100.00%
Người gốc Châu Á	158	157	99.37%	0.63%	56.05%
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	5	5	100.00%	0.00%	20.00%
Người Phi Luật Tân	4	4	100.00%	0.00%	50.00%
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	267	262	98.13%	1.87%	27.48%
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	3	3	100.00%	0.00%	33.33%
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	10	8	80.00%	20.00%	50.00%
Người Da trắng	71	71	100.00%	0.00%	50.70%
Sinh viên nói tiếng anh	124	120	96.77%	3.23%	5.83%
Những đứa con nuôi	0				
Vô gia cư	42	42	100.00%	0.00%	30.95%
Quốc phòng	55	55	100.00%	0.00%	34.55%
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	416	408	98.08%	1.92%	34.80%
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0				
Học sinh khuyết tật	75	72	96.00%	4.00%	13.89%

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021 (i-Ready Reading/Math Diagnostic)

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

Môn học	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	523	516	98.66%	1.34%	41.09%
Nữ	243	243	100.00%	0.00%	39.51%
Nam	278	271	97.48%	2.52%	42.44%
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	1	1	100.00%	0.00%	0.00%
Người gốc Châu Á	158	157	99.37%	0.63%	68.79%
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	5	4	80.00%	20.00%	50.00%
Người Phi Luật Tân	4	4	100.00%	0.00%	50.00%
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	267	264	98.88%	1.12%	26.14%
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	3	3	100.00%	0.00%	66.67%
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	10	8	80.00%	20.00%	25.00%
Người Da trắng	71	71	100.00%	0.00%	38.03%
Sinh viên nói tiếng anh	124	122	98.39%	1.61%	12.30%
Những đứa con nuôi	0				
Vô gia cư	42	42	100.00%	0.00%	33.33%
Quốc phòng	55	55	100.00%	0.00%	29.09%
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	416	409	98.32%	1.68%	35.45%
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0				
Học sinh khuyết tật	75	72	96.00%	4.00%	8.33%

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2019 – 2020 có giá trị N/A thể hiện rằng các dữ liệu đó không có sẵn do đại dịch COVID-19 dẫn đến việc trì hoãn bài kiểm tra định kỳ. Sắc lệnh N-30-20 được ban hành đã miễn trừ các yêu cầu đánh giá, trách nhiệm và báo cáo đối với năm học 2019 – 2020.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2019-20	Trường 2020-21	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	Không có thông tin	NT	N/A	NT	N/A	28.72

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Các ô dữ liệu có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	181	NT	NT	NT	NT
Nữ	91	NT	NT	NT	NT
Nam	90	NT	NT	NT	NT
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	61	NT	NT	NT	NT
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	NT	NT	NT	NT
Người Phi Luật Tân	--	NT	NT	NT	NT
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	92	NT	NT	NT	NT
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	NT	NT	NT	NT
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	NT	NT	NT	NT
Người Da trắng	22	NT	NT	NT	NT
Sinh viên nói tiếng anh	35	NT	NT	NT	NT
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	24	NT	NT	NT	NT
Quốc phòng	17	NT	NT	NT	NT
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	143	NT	NT	NT	NT
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	22	NT	NT	NT	NT

B. Các Kết Quả Của Học Sinh: Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

2020-21 Kết Quả Kiểm Tra Sức Khỏe Thân Thể California

Do đại dịch COVID-19, bài Kiểm tra thể chất cho năm học 2020 – 2021 đã bị tạm dừng, do đó, không có dữ liệu nào được báo cáo và mỗi ô trong bảng này được điền giá trị "N/A".

Cấp lớp	Phần trăm học sinh đạt Bốn trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần trăm học sinh đạt Năm trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe	Phần trăm học sinh đạt Sáu trên Sáu Tiêu Chuẩn Sức Khỏe
Lớp 5	N/A	N/A	N/A
Lớp 7	N/A	N/A	N/A
Lớp 9	N/A	N/A	N/A

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

2021-22 Cơ Hội Tham Gia cho Phụ Huynh

Chúng tôi khuyến khích phụ huynh tham gia vào trải nghiệm học tập của con họ bằng việc làm tình nguyện trong lớp học khi an toàn, tham gia quá trình ra quyết định, và tham dự các sự kiện của trường cả qua Zoom và trực tiếp. Tại Vista, chúng tôi cực kỳ khuyến khích và tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác với phụ huynh, học sinh, giáo viên và ban quản lý. Cha mẹ học sinh tại Falcon cũng được hưởng chính sách mở cửa về quản lý để bảo đảm chúng tôi cung cấp môi trường tốt nhất cho mỗi học sinh học tập và được đáp ứng các nhu cầu tình cảm và xã hội.

Phụ huynh luôn được thông báo về các sự kiện và hoạt động sắp diễn ra của nhà trường qua email, tờ rơi, thư, bản tin, họp phụ huynh, báo cáo tiến độ, áp phích treo trước cổng trường, trang web nhà trường và hệ thống Hệ thống giao tiếp Aeries gửi thông báo cho các phụ huynh qua tin nhắn văn bản, điện thoại và email. Hệ thống Cổng thông tin dành cho phụ huynh Aeries cho phép học sinh và phụ huynh tìm thấy thông tin về bài tập, chuyên cần, bảng điểm trước đây và sắp tới. Liên hệ với bất kỳ nhân viên văn phòng nào của nhà trường theo số (714) 842-0626 để biết thêm thông tin về cách tham gia vào môi trường học tập của con em quý vị.

Cơ Hội Làm Tình Nguyện (khi an toàn)

- Đi Kèm Chuyến Thăm Quan Thực Địa
- Người Trợ Giúp trong Lớp Học
- Các Hoạt Động Gây Quỹ
- Người Trợ Giúp tại Thư Viện
- Người Trợ Giúp tại Văn Phòng

Các Ủy Ban (Qua Zoom hoặc trực tiếp nếu an toàn)

- Hội Đồng Cố Vấn Học Viên Tiếng Anh (English Learner Advisory Council - ELAC)
- Tổ Chức Phụ Huynh Giáo Viên Học Sinh (Parent Teacher Student Organization - PTSO)
- Hội Đồng Nhà Trường (School Site Council - SSC)

Các Hoạt Động Nhà Trường (Qua Zoom hoặc trực tiếp nếu an toàn)

- Đêm Tựu Trường (Back to School Night)
- Ngày mở cửa trường học (Open House)
- Sự kiện Tương tác với Phụ huynh
- Các Hoạt Động PRIDE
- Các Hoạt Động ASB
- Các Buổi Biểu Diễn của Học Sinh
- Hội Đồng Khen thưởng Học Sinh
- Hội Đồng Cuối Năm
- Họp Tiêu Đề I Hàng Năm
- Họp Phụ huynh LCAP
- Uống cà phê với Thầy/Cô Hiệu trưởng

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Bất kỳ học sinh	547	546	27	4.9
Nữ	252	252	11	4.4
Nam	293	292	16	5.5
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	1	1	0	0.0
Người gốc Châu Á	162	162	2	1.2
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	5	5	0	0.0
Người Phi Luật Tân	4	4	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	276	276	18	6.5
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	3	3	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc	11	11	3	27.3
Người Da trắng	81	80	3	3.8
Sinh viên nói tiếng anh	137	137	16	11.7
Những đứa con nuôi	1	1	0	0.0
Vô gia cư	44	44	2	4.5
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	435	434	27	6.2
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	88	88	9	10.2

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2018-19	Trường 2020-21	Học khu 2018-19	Học khu 2020-21	Tiểu bang 2018-19	Tiểu bang 2020-21
Đình chỉ	5.62	1.10	2.16	0.16	3.47	0.20
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.00	0.08	0.00

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 2020 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 2020 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	1.60	0.97	2.45
Đuổi học	0.00	0.00	0.05

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Nhóm Học sinh	Suspensions Rate	Expulsions Rate
Bất kỳ học sinh	1.10	0.00
Nữ	0.40	0.00
Nam	1.71	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	1.23	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.00	0.00
Người Phi Luật Tân	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1.09	0.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	9.09	0.00
Người Da trắng	0.00	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	2.19	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1.15	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	1.14	0.00

2021-22 Kế Hoạch An Toàn Trường Học

Chương Trình An Toàn Học Đường Toàn Diện được phát triển cho Trường Trung Học Vista View với sự phối hợp của Hội Đồng Nhà Trường, các cơ quan địa phương và văn phòng Học Khu để đáp ứng các yêu cầu theo Dự Luật 187 của Thượng Viện. Thông tin từ Khảo sát Môi trường Học đường, và Khảo sát Sự tham gia của Cha mẹ cũng được sử dụng để tạo kế hoạch. Các phần cần thiết của chương trình này bao gồm quy trình báo cáo lạm dụng trẻ em, quy trình thông báo của giáo viên về học sinh nguy hiểm, quy trình ứng phó thiên tai, quy trình đến và rời trường học an toàn, chính sách về quấy rối tình dục, bắt nạt, và chính sách kỷ luật theo sự tiến bộ, chính sách quy định về trang phục. Kế hoạch toàn trường học gần đây nhất của trường đã được đánh giá, cập nhật và thảo luận với nhân viên trường học vào tháng 09 và tháng 10/2021 và được phê chuẩn bởi Hội Đồng Nhà Trường vào ngày 14 tháng 10 năm 2021.

D. Thông Tin Khác của SARC Thông tin cần có trong SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiêu bang đối với LCFF.

2018-19 Tiểu Học Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2018-19. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo				
1				
2				
3				
4				
5				
6	23	15	21	7

2019-20 Tiểu Học Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo				
1				
2				
3				
4				
5				
6	22	20	31	4

2020-21 Tiểu Học Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân BỐ Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo				
1				
2				
3				
4				
5				
6	11	78	19	

2018-19 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân BỐ Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	28	4	8	5
Toán	25	4	12	1
Khoa học	30	1	12	2
Khoa học Xã hội	31		8	5

2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân BỐ Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	25	5	9	3
Toán	34	4	5	6
Khoa học	26	5	7	4
Khoa học Xã hội	27	2	9	3

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bó Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020-21. Cột "Số lớp" cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Sĩ số Trung bình Trong lớp	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	14	27	5	1
Toán	13	23	5	
Khoa học	13	23	7	
Khoa học Xã hội	13	21	7	

2020-21 Tỷ lệ Cố vấn Học tập trên số học sinh

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Cố vấn Học tập trên số học sinh	N/A

2020-21 Cố Vấn Học Tập và Nhân Viên Hỗ Trợ Khác

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương Đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số Học Sinh Trung Bình trên mỗi Cố Vấn Học Tập
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	0
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	0
Nhà Tâm Lý Học	0.8
Nhân viên Xã hội	0
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	1
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	0

2019-20 Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh và Lương của Giáo Viên tại Địa Điểm Trường

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2019 – 2020 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	5796.58	198.32	5598.26	88109
Số Tiền của	N/A	N/A	5350.37	\$93,235
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	N/A	N/A	4.5	-5.7
Tiểu bang			\$8,444	\$85,863
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	N/A	N/A	-40.5	2.6

2020-21 Các Loại Dịch Vụ được Tài Trợ

Ngoài nguồn ngân sách từ tiểu bang, Học khu Ocean View còn nhận được tài trợ từ chính quyền tiểu bang và liên bang cho các chương trình đặc biệt. Hàng năm, Khu học chánh đều nhận được quỹ hỗ trợ, giáo dục đặc biệt và xác thực dành cho:

Các Chương Trình Không Hạn Chế:
Xổ Số Tiểu Bang

Các chương trình giới hạn:
Các Chương Trình Liên Bang
Tựa đề I/Tựa đề II/Tựa đề IV
Thanh Toán Hóa Đơn Medi-Cal
Ngân Sách Giáo Dục Đặc Biệt

Các Chương Trình của Tiểu Bang
Xổ Số: Tài liệu hướng dẫn
Hiệu quả Làm việc của Giáo viên

2019-20 Lương Giáo Viên và Nhân Viên Hành Chính

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2019 – 2020. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Số Tiền của Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$43,329	\$52,060
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$85,673	\$84,043
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$107,278	\$107,043
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)	\$130,832	\$133,582
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)	\$132,966	\$138,803
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$0	\$133,845
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$236,945	\$240,628
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	39%	35%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	5%	5%

Phát triển Chuyên môn

Do COVID, việc phát triển chuyên môn tiếp tục được điều chỉnh. Các ngày Thứ Năm mà học sinh được nghỉ sớm được sử dụng để nâng cao năng lực cho giáo viên bao gồm hai buổi cho i-Ready. Ngoài ra, hai ngày học sinh nghỉ học cũng được bố trí vào lịch làm việc.

Nhân viên của Vista View đã tham gia vào các hoạt động phát triển chuyên môn sau đây:

Các biện pháp giải quyết mâu thuẫn

Thực hành dựa trên hiểu biết về chấn thương

Trong năm 2021-2022 Vista View Middle School đã tập trung vào phát triển chuyên môn tại trường về tập huấn giáo viên và nâng cao thực hành của họ về cung cấp cơ hội để có chứng nhận GATE. Một số nhân viên tự chọn tham gia tập huấn trực tuyến thông qua các mô-đun tự học theo tốc độ của bản thân và cả các cuộc họp gặp mặt trực tiếp. Ngoài trọng tâm là giảng dạy trực tuyến và phát triển kỹ năng công nghệ và tham gia chứng nhận GATE cho vòng giáo viên thứ hai, các nhân viên còn tiếp tục sử dụng và phát triển việc học tập theo dự án thông qua Defined Learning.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2019-20	2020-21	2021-22
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	3.5	2.0	2

Học Khu Ocean View

Phụ lục Thẻ Báo cáo Trách nhiệm của Địa phương (LARC) Năm Học 2020-21

Phụ lục Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm của Địa Phương (LARC)

Tổng quan về Phụ Lục Báo Cáo Trách nhiệm của Địa Phương (LARC) Năm Học 2020-21

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2021, Ủy ban Giáo dục Tiểu bang California (State Board of Education, SBE) xác định rằng Bộ Giáo dục California (CDE) sẽ sử dụng SARC làm cơ chế để tiến hành thu thập dữ liệu một lần về kết quả kiểm tra tổng hợp cấp LEA của tất cả bài đánh giá tại địa phương của trường được thực hiện trong năm học 2020–2021 để đáp ứng yêu cầu báo cáo của Đạo luật Mọi Học sinh Thành công (Every Students Succeeds Act, ESSA) liên bang đối với Thẻ Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Cơ quan Giáo dục Địa phương (LARC).

Mỗi cơ quan giáo dục địa phương (LEA) sẽ chịu trách nhiệm lập và đăng LARC hàng năm của họ theo ESSA liên bang. Theo thường lệ, CDE sẽ thay mặt cho tất cả LEA lập và đăng các LARC.

Chỉ trong năm học 2020–2021 và các LARC 2020–2021, các LEA được yêu cầu báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá tổng hợp tại địa phương của họ ở cấp LEA cho CDE bằng cách điền các bảng bên dưới qua SARC. Những dữ liệu này sẽ được sử dụng để đáp ứng yêu cầu liên bang của LEA đối với LARC của họ. Lưu ý rằng nhà trường và LEA có trách nhiệm đảm bảo rằng tất cả các quy tắc về quyền riêng tư và ngăn chặn dữ liệu của học sinh được áp dụng khi báo cáo dữ liệu trong Bảng 3 và 4 trong Phụ lục theo quy định hiện hành.

Các bảng dưới đây không phải là một phần của mẫu SARC 2020–2021 được SBE phê duyệt mà là cơ chế mà các dữ liệu bắt buộc này sẽ được thu thập từ các LEA.

Nhằm phục vụ mục đích liên quan tới LARC và diễn giải các bảng sau, LEA được định nghĩa là một khu học chánh, một văn phòng giáo dục của quận, hoặc một trường bán công được tài trợ trực tiếp.

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2021 – 2022

Tên Học khu	Học Khu Ocean View
Số điện thoại	(714) 847-2551
Giám đốc	Dr. Carol Hansen
Địa chỉ Email	chansen@ovsd.org
Website Học khu	www.ovsd.org

2020-21 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị "NT" vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	5060	42	0.83	99.17	9.52
Nữ	2454	11	0.45	99.55	0.00
Nam	2603	31	1.19	98.81	12.90
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	14	0	--	100.00	--
Người gốc Châu Á	746	6	0.80	99.20	--
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	47	0	0.00	100.00	--
Người Phi Luật Tân	43	2	4.65	95.35	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2085	20	0.96	99.04	5.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	14	0	0.00	100.00	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	372	2	0.54	99.46	--
Người Da trắng	1739	12	0.69	99.31	16.67
Sinh viên nói tiếng anh	934	18	1.93	98.07	11.11
Những đứa con nuôi	27	2	7.41	92.59	--
Vô gia cư	568	8	1.41	98.59	--
Quốc phòng	246	5	2.03	97.97	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	2880	29	1.01	98.99	13.79
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	684	42	6.14	93.86	9.52

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện. CDE sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ thay vì CAASPP, CDE sẽ điền giá trị “NT” vào bảng này, nghĩa là trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP để đánh giá học sinh. Xem bảng (các) kỳ thi đánh giá nội bộ để biết thêm thông tin.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi đanh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	5060	42	0.83	99.17	0.00
Nữ	2454	11	0.45	99.55	0.00
Nam	2603	31	1.19	98.81	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	14	0	--	100.00	--
Người gốc Châu Á	746	6	0.80	99.20	--
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	47	0	0.00	100.00	--
Người Phi Luật Tân	43	2	4.65	95.35	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	2085	20	0.96	99.04	0.00
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	14	0	0.00	100.00	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	372	2	0.54	99.46	--
Người Da trắng	1739	12	0.69		0.00
Sinh viên nói tiếng anh	934	18	1.93	98.07	0.00
Những đứa con nuôi	27	2	7.41	92.59	--
Vô gia cư	568	8	1.41	98.59	--
Quốc phòng	246	5	2.03	97.97	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	2880	29	1.01	98.99	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	684	42	6.14	93.86	0.00

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.

Kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi đánh giá nội bộ Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11. LEA/nhà trường sẽ hoàn thiện bảng này cho các trường trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi đánh giá nội bộ. Trong trường hợp nhà trường thực hiện kỳ thi CAASPP, LEA/nhà trường sẽ điền giá trị “N/A” vào tất cả các ô, nghĩa là bảng này Không áp dụng cho trường này.

*Bảng hoặc trên mức tiêu chuẩn theo cấp lớp trong trường hợp kỳ thi đánh giá nội bộ được thực hiện.